Đỗ Trường Giang – 3118410096

Tạ Thiên Phước - 3118410342

Nguyễn Thái Văn – 3118410476

**To-Do-App (Todoist)**

**1. Mô tả**

- Trong thời buổi nền kinh tế phát triển như hiện nay thì khối lượng công việc mà một người phải làm là rất nhiều để đảm bảo cho sự phát triển của nền kinh tế, nhưng điều này cũng dẫn đến việc chúng ta có thể sẽ quên hoặc không nhớ chính xác hết toàn bộ công việc mà chúng ta phải làm. Phần mềm To-Do-App ra đời nhằm mục đích khắc phục vấn đề trên và để phục vụ cho việc quản lý công việc cá nhân của người dùng trở nên dễ dàng và thú vị hơn.

- To-Do-App có thể:

+ Theo dõi các công việc của bạn: Hóa ra, bộ não của chúng ta thực sự có những sợi liên kết để giữ cho chúng ta suy nghĩ về những nhiệm vụ chưa hoàn thành của mình. Tiện dụng khi bạn có một việc cần làm. Thật không tốt khi bạn có hơn 30 nhiệm vụ tranh giành sự chú ý của bạn cùng một lúc.  
Đó là lý do tại sao bước đầu tiên để sắp xếp công việc và cuộc sống của bạn là đưa mọi thứ ra khỏi đầu và đưa vào danh sách việc cần làm. Từ đó bạn có thể bắt đầu sắp xếp và sắp xếp thứ tự ưu tiên để bạn biết chính xác khi nào và những gì cần tập trung vào.

+ Tổ chức các project của bạn: Project giúp bạn sắp xếp các nhiệm vụ của mình thành các danh sách riêng biệt. To-Do-App của bạn đi kèm với một danh sách các project tiêu chuẩn để bạn bắt đầu, nhưng bạn có thể tạo, xóa, đổi tên, sắp xếp lại các dự án của mình theo bất kỳ cách nào bạn muốn.

+ Lập kế hoạch cho ngày của bạn: Chỉ cần liệt kê và sắp xếp các công việc của bạn có thể giúp bạn giải tỏa rất nhiều khi cảm thấy quá tải.  
Nhưng sức mạnh thực sự của To-Do-App nằm ở việc giúp bạn lập kế hoạch hoạt động mỗi ngày như thế nào để đảm bảo rằng bạn đang tiến bộ những điều quan trọng đối với mình.

+ Điểm làm nên sự khác biệt giữa To-Do-App với những phần mềm quản lý công việc cá nhân khác: Chúng tôi có hệ thống building system (trò chơi thiết kế nội thất) sau khi bạn hoàn thành được 1 công việc của mình thì bạn sẽ nhận được 1 số điểm cộng dựa vào số điểm đó bạn có thể tân trang cho ngôi nhà của bạn trong hệ thống hoặc bạn có thể dùng số điểm đó để mở khóa các vật dụng đẹp hơn để làm cho nội thất ngôi nhà của bạn trở nên đẹp nhất và bạn có thể chia sẻ điều mà bạn đạt được cho bạn bè thông qua hệ thống kết bạn của To-Do-App. Điều này sẽ làm cho việc quản lý công việc của bạn trở nên thú vị hơn.

**2. Yêu cầu chức năng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chức năng** | **Mức user** | **Mức system** |
| 1. Login | - Chức năng Login giúp người dùng đăng nhập vào ứng dụng và hỗ trợ các tiện ích khác cho người dùng như:  + Forgot password  + Change google account  + Login with Google account. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** đăng nhập vào ứng dụng. **Để mà:**  **- Logout:** Khi mà người dùng muốn đăng xuất khỏi ứng dụng thì vào mục “setting” sau đấy chọn “đăng xuất” thì hệ thống sẽ ghi nhận hoạt động đăng xuất thành công cho người dùng.  **- Login:** Khi mà người dùng muốn đăng nhập vào ứng dụng thì truy cập vào ứng dụng bằng những cách sau đây:  \* Chọn “Forgot password” thì hệ thống sẽ yêu câu người dùng nhập username hoặc số điện thoại sau đấy hệ thống sẽ gửi về điện thoại người dùng tin nhắn sms mã code xác thực tài khoản, sau khi người dùng nhập mã code vào ô mã xác thực thì hệ thông sẽ kiểm tra nếu đúng sẽ hiển thị giao diện lấy lại password và người dùng có thể thay đổi password mới tại đây, sau khi thao tác xong thì hệ thống sẽ ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công cho người dùng. Nếu mã code người dùng nhập sai sẽ phải đợi hệ thống gửi lại mã code mới đẻ xác thực. Đồng thời mã code chỉ có hiệu lực trong vòng 1 phút.  \* Nhập username và password và đăng nhập thì hệ thống sẽ xác thực thông tin tài khoản người dùng nếu chính xác thì sẽ ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công nếu username hoặc password sai thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho người dùng.  \* Chọn “Login with Google account” thì hệ thống sẽ hiển thị form để người dùng chọn tài khoản google mà mình muốn đăng nhập, sau khi nhấp chọn tài khoản thì hệ thống sẽ tự động đăng nhập cho người dùng.  \* Chọn “Change Google account” sau khi nhấp chọn “setting” thì hệ thống sẽ hiển thị form để người dùng có thể chọn tài khoản google khác để đăng nhập. Sau khi người dùng chọn tài khoản mới thì hệ thống sẽ xác thực thành công và ghi nhận hoạt động đăng nhập bằng tài khoản mới thành công cho người dùng.  **- Register:** Khi mà người dùng nhấp chọn “Sign up” thì hệ thống sẽ hiển thị form đăng ký để người dùng đăng ký tài khoản. Sau khi nhập vào username - password và nhập lại password 1 lần nữa thì hệ thống sẽ kiểm tra thông tin tài khoản nếu thỏa các điều kiện sau thì sẽ tạo tài khoản thành công và tự động đăng nhập cho người dùng và ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công.  \* Điều khoản tạo tài khoản thành công:  \*\* username chưa tồn tại trong database.  \*\* password phải được xác nhận đúng với password mà người dùng nhập ở trên.  \*\* password có độ dài tối thiểu là 8 ký tự. |
| 2. Manage project | - Chức năng Manage project giúp người dùng có thể:  + Thêm mới một project.  + Chỉnh sửa thông tin của project.  + Xóa project. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể phân chia các công việc của tôi thành từng mục lớn để dễ dàng quản lý. **Để mà:**  **- Create project:**  Khi mà người dùng muốn tạo 1 project mới thì nhấp chọn nút tạo mới để hiển thị form tạo mới và nhập tên project vào. Sau khi nhấp chọn “Save” thì 1 project mới được tạo thành công.  **- Update project:** Khi người dùng muốn thay đổi thông tin của project thì có thể nhấp chọn biểu tượng “pencil” để hiển thị form chỉnh sửa thông tin. Người dùng nhập thông tin mới vào và nhấp chọn “Save” để hoàn thành việc cập nhật, nhấp chọn “Cancel” để hủy việc cập nhật.  **- Delete project:** Khi người dùng muốn xóa đi 1 project thì nhấp chọn biểu tượng “X” để thực hiện việc xóa, sau đấy hệ thống sẽ hiển thị hộp thoại để xác nhận việc xóa project này. Nếu người dùng muốn hoàn tác thì nhấp chọn “Undo”. |
| 3. Manage section | - Chức năng Manage section giúp người dùng có thể:  + Thêm mới một section.  + Chỉnh sửa thông tin của section.  + Xóa section. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể phân chia các công việc của tôi thành từng phần trong mục lớn để dễ dàng quản lý. **Để mà:**  **- Create section:**  Khi mà người dùng muốn tạo 1 section mới thì nhấp chọn nút tạo mới để hiển thị form tạo mới và nhập tên section vào. Sau khi nhấp chọn “Save” thì 1 section mới được tạo thành công.  **- Update section:** Khi người dùng muốn thay đổi thông tin của section thì có thể nhấp chọn trực tiếp section đó để chỉnh sửa thông tin. Người dùng nhập thông tin mới vào và nhấp chọn “Enter” để hoàn thành việc cập nhật.  **- Delete section:** Khi người dùng muốn xóa đi 1 section thì nhấp chọn biểu tượng “X” để thực hiện việc xóa, sau đấy hệ thống sẽ hiển thị hộp thoại để xác nhận việc xóa section này. Nếu người dùng muốn hoàn tác thì nhấp chọn “Undo”. |
| 4. Manage task | - Chức năng Manage task giúp người dùng có thể:  + Thêm mới 1 task.  + Chỉnh sửa thông tin của 1 task.  + Xóa đi 1 task.  + Tìm kiếm task.  + Sắp xếp các task.  + Gom nhóm các task theo từng tiêu chí.  + Lọc các task theo biểu thức chính quy.  - Đồng thời còn cung cấp các chế độ hiển thị cho người dùng như:  + Today.  + Tomorrow.  + Week.  + Upcoming.  + Layout board.  - Và bố sung thêm các tiện ích khác cho người dùng như:  + Set priority.  + Set tag.  + Favorite.  + Drag and drop.  + Copy & paste multipline.  + Add website as task.  + Rich text. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** chức năng Manage task có các tiện ích giúp tôi có thể thuận tiện hơn trong việc quản lý và công việc của mình. **Để mà:**  **- Create task:**  Khi mà người dùng muốn tạo 1 task mới thì nhấp chọn nút tạo mới để hiển thị form tạo mới và nhập tên task vào. Sau khi nhấp chọn “Save” thì 1 task mới được tạo thành công.  **- Update task:** Khi người dùng muốn thay đổi thông tin của task thì có thể nhấp chọn biểu tượng “pencil” để hiển thị form chỉnh sửa thông tin. Người dùng nhập thông tin mới vào và nhấp chọn “Enter” để hoàn thành việc cập nhật.  **- Delete task:** Khi người dùng muốn xóa đi 1 task thì nhấp chọn biểu tượng “X” để thực hiện việc xóa, sau đấy hệ thống sẽ hiển thị hộp thoại để xác nhận việc xóa task này. Nếu người dùng muốn hoàn tác thì nhấp chọn “Undo”.  **- Set priority:** Khi người dùng muốn thiết lập độ ưu tiên cho task thì người dùng nhấp chọn ”setting” trên task cần thiết lập độ ưu tiên để hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây người dùng nhấp chọn “set priority” để hiển thị form chọn độ ưu tiên cho task. Sau khi chọn mức độ ưu tiên từ 0-4 và nhấp chọn “Save” thì hệ thống sẽ thiết lập độ ưu tiên cho task đó.  **- Set tag:** Khi người dùng muốn phân loại công việc cho task thì người dùng nhấp chọn ”setting” trên task cần phân loại để hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây người dùng nhấp chọn “set tag” để hiển thị danh mục chọn loại tag cho task. Sau khi chọn loại tag cho task thì hệ thống sẽ cấp dán nhãn tag đó cho task.  **- Favorite:** Khi người dùng muốn cài đặt yêu thích cho task thì người dùng nhấp chọn ”setting” trên task cần cài đặt để hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây người dùng nhấp chọn “favorite” thì hệ thống sẽ đánh sao cho task đó.  **- Drag and drop:** Khi người dùng muốn thao tác kéo thả task thì người dùng nhấp chọn trực tiếp task cần kéo thả và kéo đi đến 1 vị trí mới. Hệ thống sẽ ghi nhận lại vị trí mới của task đó.  **- Copy & paste multipline:** Khi người dùng muốn tạo nhiều task cùng 1 lúc thì nhấp chọn nút tạo mới để hiển thị form tạo mới, sau đấy người dùng sao chép và dán danh sách các task từ môi trường bên ngoài vào. Sau khi nhấp chọn “Save” thì hệ thống sẽ phải ra số lượng task mới tương ứng với danh sách được dán vào.  **- Add website as task:** Giúp người dùng có thể để đường dẫn của 1 website bất kỳ vào thành 1 task.  **- Rich text:** Giúp người dùng có thể để 1 siêu văn bản bất kỳ vào thành 1 task.  **- Search:** Sau khi nhập thông tin cần tìm kiếm và nhấp chọn “Search” thì hệ thống sẽ phải trả về thông tin dựa trên chuỗi tìm kiếm được nhập vào.  **- Sort by name:** Sau khi nhấp chọn “Sort by name” thì hệ thống hiển thị ra danh mục các tùy chọn cho việc sắp xếp bao gồm: Project, Section, Task, Progress.  \* Khi chọn “Project” thì hệ thống sẽ sắp xếp từng project theo thức tự chữ cái A-Z.  \* Khi chọn “Section” thì hệ thống sẽ sắp xếp từng section bên trong 1 project cụ thể theo thức tự chữ cái A-Z.  \* Khi chọn “Task” thì hệ thống sẽ sắp xếp từng task bên trong 1 section cụ thể theo thức tự chữ cái A-Z.  \* Khi chọn “Progress” thì hệ thống sẽ sắp xếp tất cả các task trong tất cả project theo thứ tự tiến độ hoàn thành giảm dần và sắp xếp từng project theo tiến độ hoàn thành giảm dần.  **- Sort by date:** Sau khi nhấp chọn “Sort by name” thì hệ thống hiển thị ra danh mục các tùy chọn cho việc sắp xếp bao gồm: begin, deadline.  \* Khi chọn “begin” thì hệ thống sẽ sắp xếp các task theo thứ tự ngày bắt đầu giảm dần.  \* Khi chọn “deadline” thì hệ thống sẽ sắp xếp các task theo thứ tự ngày hết hạn tăng dần.  **- Group by:** Sau khi nhấp chọn “Sort by name” thì hệ thống hiển thị ra danh mục các tùy chọn cho việc sắp xếp bao gồm: group by section, group by priority, group by progress, group by tag, group by end date.  \* Khi chọn “group by section” thì hệ thống sẽ gom nhóm tất cả các task theo từng section.  \* Khi chọn “group by priority” thì hệ thống sẽ gom nhóm tất các task có đặt độ ưu tiên theo thứ tự giảm dần.  \* Khi chọn “group by progress” thì hệ thống sẽ gom nhóm tất cả các task theo tiến độ hoàn thành.  \* Khi chọn “group by tag” thì hệ thống sẽ gom nhóm tất cả các task theo từng loại công việc cụ thể mà đã được đặt trước đó.  \* Khi chọn “group by end date” thì hệ thống sẽ gom nhóm tất cả các task có ngày hết hạn.  **- Filter query:** Người dùng có thể lọc toàn bộ các task của mình băng biểu thức chính quy.  **- Set layout:** Sau khi nhấp chọn “set layout” thì hệ thống sẽ phải hiển thị danh mục các tùy chọn cho việc điều chỉnh giao diện phần mềm bao gồm: set layout board, set layout list.  \* Khi chọn “set layout board” thì hệ thống sẽ phải thay đổi giao diện phần mềm sang dạng bảng gồm 3 bảng là “To do”, “Doing”, “Done”.  \* Khi chọn “set layout list” thì hệ thống sẽ phải thay đổi giao diện phần mềm sang dạng danh sách.  **- Today:** Khi người dùng muốn hiển thị những task trong ngày hôm nay thì nhấp chọn biểu tượng “Menu” để hiển thị sidebar. Tại đây nhấp chọn “Today” để hệ thống hiển thị những task trong ngày hôm nay (Thời gian tính theo Timezone người dùng đã thiết lập, nếu không có thiết lập thì tính theo giờ hệ thống).  **- Week:** Khi người dùng muốn hiển thị những task trong ngày hôm nay thì nhấp chọn biểu tượng “Menu” để hiển thị sidebar. Tại đây nhấp chọn “Menu” để hệ thống hiển thị những task trong tuần đấy (Thời gian tính theo Timezone người dùng đã thiết lập, nếu không có thiết lập thì tính theo giờ hệ thống).  **- Tomorrow:** Khi người dùng muốn hiển thị những task trong ngày hôm nay thì nhấp chọn biểu tượng “Menu” để hiển thị sidebar. Tại đây nhấp chọn “Tomorrow” để hệ thống hiển thị những task của ngày hôm sau (Thời gian tính theo Timezone người dùng đã thiết lập, nếu không có thiết lập thì tính theo giờ hệ thống).  **- Upcoming:** Khi người dùng muốn hiển thị những task trong ngày hôm nay thì nhấp chọn biểu tượng “Menu” để hiển thị sidebar. Tại đây nhấp chọn “Upcoming” để hệ thống hiển thị những task sắp tới sau thời điểm hiện tại (Thời gian tính theo Timezone người dùng đã thiết lập, nếu không có thiết lập thì tính theo giờ hệ thống). |
| 5. Pomodoro | - Chức năng này cho phép người dùng quản lý thời gian, hoạt động trên nguyên tắc là hoàn toàn tập trung làm một công việc duy nhất trong thời gian xác định (thời gian được tính bằng giây). Cứ hết thời gian đếm ngược thì trang web sẽ thông báo.  - Có 2 cách sử dụng:   +Cài đặt Pomodoro lên một task đã có sẵn.  +Cài đặt Pomodoro chạy thời gian mà không cần có task. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** module quản lý pomodoro sẽ quản lý thời gian hoàn thành các task của tôi hoặc công việc của tôi, lưu lịch sử làm việc tại pomodoro. Tại đây thể hiện tất cả trạng thái task sau khi sử dụng pomodoro là: Đã hoàn thành, Chưa hoàn thành. Do đó có thể dễ dàng quản lý thời gian thực hiện các task hơn. **Để mà:**  **- Set Task:** Khi người dùng muốn cài đặt Pomodoro vào task mà người dùng muốn  \* Cách 1: Người dùng nhấp chọn vào "More actions" của task thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Người dùng nhấp chọn "Add To Pomodoro" sẽ được chuyển sang trang Pomodoro đã được thêm task sẵn.  \* Cách 2: Người dùng nhấp chọn "Pomodoro" trên thanh menu sẽ được chuyển sang trang Pomodoro. Người dùng nhấp chọn "Add Task" thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách các task. Người dùng chọn task muốn cài đặt Pomodoro.  **- Set Time:** Khi người dùng muốn cài đặt thời gian đếm ngược cho task mà mình muốn chọn  \* Cách 1: Người dùng nhấp chọn vào "More actions" của task mà mình muốn cài đặt thời gian đếm ngược, sau đấy hệ thống sẽ hiển thị danh sách các tùy chọn. Người dùng nhấp vào "Pomodoro". Hệ thống tự động set task sẽ chuyển qua trang Pomodoro. Người dùng cài đặt thời gian đếm ngược ( thời gian được tính bằng giây ), sau đấy nhấp vào "Start" để bắt đầu đếm ngược thời gian thực hiện task.  \* Cách2: Người dùng nhấp vào "Pomodoro" trong thanh menu. Người dùng kéo hoặc gõ thời gian muốn cài đặt. Sau đấy nhấp vào biểu tượng chọn task (User sẽ chọn task trong project nào, section nào mà họ muốn).Người dùng nhấp vào "Start" để bắt đầu đếm ngược thời gian thực hiện task.  **- Break:** Khi muốn dừng thời gian đếm ngược thì nhấp vào "Break". Hệ thống hiển thị sẽ tự động hủy thời gian và thoát ra ngoài giao diện trang Pomodoro.  **- Pause:** Khi muốn tạm dừng thời gian đếm ngược thì nhấp vào "Pause". Hệ thống sẽ tạm dừng thời gian.  **- Extend:** Khi Pomodorro đếm hết mà người dùng muốn gia hạn thời gian đếm ngược thì nhấp vào "Chưa Hoàn Thành". Hệ thống hiển thị bảng hỏi "Bạn có muốn gia hạn không?", nhấp vào "Gia hạn" nếu muốn gia hạn thêm và chọn thời gian mà mình muốn gia hạn thêm, sau đó nhấp vào "Ok", nhấp vào " Không gia hạn" nếu không muốn gia hạn.  **- View History**: Khi người dùng muốn xem lại lịch sử các hoạt động trong Pomodoro thì nhấp vào "Pomodoro" trong thanh menu, nhấp vào "More actions" nằm ở góc bên phải của trang Pomodoro. Hệ thống hiển thị danh sách các tùy chọn. Người dùng vào "View History". Hệ thống sẽ hiển thị lịch sử các hoạt động của người dùng khi sử dụng chức năng Pomodoro. |
| 6. Remind task | - Chức năng này cho phép người dùng thiết lập chế độ lặp lại task theo 2 mục sau:  + Set point of time  + Set period of time  - Ngoài ra còn có thể xem danh sách các reminder và xem lại lịch sử sử dụng chức năng này:  + View reminder list  + View history | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể cài đặt lặp lại các công việc mang tính xảy ra thường xuyên không cần phải thao tác tạo mới lại công việc đó. **Để mà:**  **- Set point of time:** Khi nhấp vào “More actions” trực tiếp trên task muốn lặp laị. Sau khi hiển thị danh mục các tùy chọn thì nhấp vào “Remind this task” sau đấy nhấp vào “Set point of time” và thiết lập thời điểm cụ thể cho hệ thống ghi nhận việc lặp lại task đó.  **- Set period of time:** Khi nhấp vào “More actions” trực tiếp trên task muốn lặp laị. Sau khi hiển thị danh mục các tùy chọn thì nhấp vào “Remind this task” sau đấy nhấp vào “Set period of time” và thiết lập khoảng thời gian cho hệ thống ghi nhận việc lặp lại task đó.  **- View reminder list:**  Khi nhấp vào “More actions” của project hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây nhấp vào “View reminded task” thì sẽ hiển thị ra danh sách các task đã cài đặt nhắc nhở của project đó. |
| 7. Repeate task | - Việc lặp lại của các task được quản lý dựa vào kiểu lặp, số lần lặp. Kiểu lặp gồm 2 kiểu:  + Lặp trong một khoảng thời gian.  + Lặp ở một thời điểm xác định.  - Số lần lặp mặc định là vô hạn. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** một module quản lý việc lặp lại task. Module này thể hiện tình trạng lặp lại của task (kiểu lặp, số lần lặp). Các thông tin của task (mã task, tên task, ghi chú, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, ngày tạo, ngày xóa, có đánh dấu Favorite hay không, độ ưu tiên, loại task). **Để mà:**  **- Set task:** Khi Nhấn vào nút "More actions", tiến hành chọn task muốn thiết lập repeate. Sau khi chọn xong thì hệ thống sẽ thiết lập repeater cho task đã chọn.  **- Set time:** Chọn task cần thao tác, sau đó nhấn vào "More actions", hệ thống sẽ hiển thị ra danh mục các tùy chọn. Tiếp tục cuộn xuống textfield set time và tiến hành nhập thời gian. Sau đó hệ thống sẽ ghi nhận lại thời gian đã đặt. Cuối cùng, nhấn "OK" để lưu lại.  **- Set period of time:** Sau khi đã set time thành công thì có thể tiếp tục chọn tiếp "Set period of time", sau đó chọn chu kì lặp phù hợp với nhu cầu (mỗi ngày, mỗi 3 ngày, mỗi tuần,...). Cuối cùng nhấn "OK" để lưu lại.  **- Set point of time:** Ngoài lựa chọn "Set period of time" thì có thể "Set point of time", các bước thực hiện tương tự như "Set period of time", chỉ khác ở chỗ thay vì chọn chu kì lặp thì sẽ tiến hành chọn chính xác ngày lặp trên lịch của ứng dụng (bao gồm: ngày, tháng, năm). Sau khi nhập xong thì nhấn "OK" để lưu lại.  **- Set time loop:** Sau khi đã lựa chọn kiểu lặp (Set period of time hoặc Set point of time) thì tiếp theo sẽ tiến hành cài đặt số lần lặp lại bằng cách cuộn xuống phần "Set time loop" và nhập số lần lặp (phải là số nguyên dương). Sau khi nhập xong thì nhấn "OK" để lưu lại.  **- Cancel repeater:** Khi thấy việc lặp lại không còn cần thiết nữa thì sẽ lựa chọn tính năng này. Đúng như tên gọi, "Cancel repeater" sẽ hủy tác vụ lặp lại task, đồng nghĩa với việc thì task hiện hành sẽ được thiết lập kiểu lặp thành "Unset" và số lần lặp là "Infinity". Cách thực hiện như sau: Chọn task hiện tại, sau đó check vào "Cancel repeater", nhấn "OK".  **- View repeated tasks:** Chọn "More actions", sau đó chọn "View repeated tasks". Lúc này, hệ thống sẽ hiển thị ra giao diện người dùng danh sách tất cả các task được thiết lập chế độ lặp lại. |
| 8. Manage user’s account |  |  |
| 9. Manage user’s information | - Thông tin cá nhân của người dùng được quản lý dựa vào các trường sau đây: username, password, email, name (tên thật), location (vùng), Google account (nếu có). | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** quản lý tất cả thông tin cá nhân của tôi bao gồm username, password, email, name (tên thật), location (vùng), Google account. Chỉ cho phép chỉnh sửa, nếu muốn xóa thì chỉnh sửa ô nhập liệu muốn xóa thành giá trị rỗng. **Để mà:**  **- Change username:** Truy cập vào “setting”, vào tiếp mục "Edit profile", tìm đến textfield username và tiến hành thay đổi, sau đó nhấn "OK" để lưu lại (Chú ý hệ thống sẽ thông báo username trùng với username đã tồn tại).  **- Change password:** Truy cập vào “setting”, vào tiếp mục "Edit profile", tìm đến textfield password và tiến hành thay đổi, sau đó nhấn "OK" để lưu lại (Chú ý hệ thống sẽ thông báo nếu password không đủ 8 ký tự).  **- Change email:** Truy cập vào “setting”, vào tiếp mục "Edit profile", tìm đến textfield email và tiến hành thay đổi, sau đó nhấn "OK" để lưu lại (Chú ý hệ thống sẽ thông báo nếu như email nhập vào không đúng định dạng).  **- Change name:** Truy cập vào “setting”, vào tiếp mục "Edit profile", tìm đến textfield name và tiến hành thay đổi, sau đó nhấn "OK" để lưu lại.  **- Change location:** Truy cập vào “setting”, vào tiếp mục "Edit profile", tìm đến combobox location và tiến hành chọn, sau đó nhấn "OK" để lưu lại.  **- Change Google account:** Truy cập vào “setting”, vào tiếp mục "Edit profile", tìm đến mục "Google account", nhấn "+", sau khi hộp thoại gợi ý tài khoản Google có sẵn hiện ra, nhấp chọn tài khoản, sau đó hệ thống sẽ trả về giao diện "Edit profile", nhấn "OK" để lưu lại. Hoặc nếu trong danh sách gợi ý không có tài khoản nào thì nhấn vào "Thêm tài khoản", sau đó tiến hành nhập Gmail và password, sau khi hoàn thành thì hệ thống sẽ trả về giao diện "Edit profile", nhấn "OK" để lưu lại. |
| 10. Manage system’s notification |  |  |
| 11. Manage user’s notification | - Chức năng này cho phép bạn quản lý thông báo nhận được từ phía hệ thống bao gồm:  + Xem các thông báo từ hệ thống.  + Xóa thông báo từ hệ thống.  + Cài đặt hình thức thông báo mà người dùng muốn nhận. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể cài đặt thay đổi cách thức nhận được thông báo từ hệ thống. **Để mà:**  **- View notification:** Khi người dùng muốn xem thông báo từ hệ thống gửi về thì nhấn vào biểu tượng chuông thông báo trên góc phải phần mềm, sau đó người dùng sẽ nhận được danh sách các thông báo tồn tại trong tài khoản của mình.  **- Delete notification:** Khi người dùng muốn xóa thông báo từ hệ thống thì có thể bấm vào biểu tượng “X” bên cạnh từng thông báo để xóa thông báo tương ứng.  **- Setting notification:** Khi người dùng muốn cài đặt thay đổi hình thức nhận thông báo từ hệ thống thì có thể vào phần “setting”, tại mục “setting notification” để thay đổi các thiết lập liên quan đến thông báo mà mình muốn. Sau đó hệ thống cập nhập lại hiển thị thông báo hiện hành theo thay đổi đó. |
| 12. Statistics | - Chức năng này cho phép bạn quản lý cũng như xem lại thống kê tất cả các hoạt động của mình như số lượng tất cả các task, thời lượng sử dụng app trung bình, tần suất sử dụng pomodoro,... | **Với vai trò** là người sử dụng ứng dụng. **Tôi muốn** biết được về số liệu thống kê của tất cả các hoạt động của mình trên app. **Để mà:**  **- Completed Task Statistics:** Khi người dùng xem lại thống kê những task đã hoàn thành của mình. Khi người dùng nhấn vào “More actions” trong phần task thì hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn.Sau đó người dùng nhấn vào “Manage Task” rồi chọn phần “Statistics”, hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn khác nhau. Người dùng chọn phần “Completed Task” thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Người dùng nhấn vào “View Task”, hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn. Cuối cùng người dùng chọn các chế độ xem, hệ thống sẽ đánh dấu chế độ đã được chọn và sẽ hiển thị tất cả các task đã hoàn thành của người dùng cũng như những chi tiết của chúng.  **- Deadline Task Statistics:** Khi người dùng muốn xem lại thống kê các task có thời hạn mà mình đã tạo.Khi người dùng nhấn vào “More actions” trong phần Task thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn.Sau đó người dùng nhấn vào “Manage Task” rồi chọn phần “Statistics”, hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn khác nhau.Người dùng chọn phần “Deadline Task”, hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn và người dùng chỉ cần nhấn vào “View Task”.Hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn.Người dùng có thể chọn các chế độ xem khác nhau và hệ thống sẽ đánh dấu chế độ đã được chọn.Hoặc người dùng có thể vào trực tiếp phần Task chọn sắp xếp theo ngày để hiển thị các Task sắp hết hạn thì hệ thống sẽ hiển thị tất cả các Task sắp đến ngày hết hạn nhưng chưa hoàn thành của người dùng cũng như những chi tiết của chúng.  **- All Task Statistic:** Khi người dùng muốn xem lại thống kê toàn bộ các task hiện có sẵn. Khi người dùng nhấn vào “More actions” trong phần task thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn và người dùng nhấn vào “Manage Task” rồi chọn phần “Statistics”.Hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn khác nhau, người dùng nhấn vào “View Task”.Hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn và người dùng chỉ cần chọn các chế độ xem.Hệ thống sẽ đánh dấu chế độ đã được chọn và sẽ hiển thị tất cả các task của người dùng đã tạo cũng như những chi tiết của chúng.  **- Tag Task Statistics:** Khi người dùng muốn xem lại thống kê số lượng các loại tag khác nhau đã sử dụng trước đó.Khi người dùng nhấn vào phần task thì hệ thống sẽ đánh dấu task đã được chọn.Người dùng nhấn vào “View Task”, hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn.Người dùng chỉ cần chọn các chế độ xem và hệ thống sẽ đánh dấu chế độ đã được chọn và hiển thị tất cả các Task của người dùng đã tạo cùng với các loại tag đã sử dụng trước đó. Sau đó người dùng bấm vào các tag đã được gắn sẵn trên các task, hệ thống hiển thị ra loại tag cũng như số lượng tag đó đã dùng hoặc người dùng có thể chọn phần Hiển thị tất cả trong mục Tag để hiển thị chi tiết tất cả các loại tag đã dùng và số lượng của chúng.  **- Achievement Statistics:** Khi người dùng muốn xem lại thống kê các thành tích mà mình đã đạt được. Khi người dùng vào “More actions” trong “Achievement” thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Người dùng nhấn vào “Manage Achievement” rồi chọn phần “Statistics”, hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn khác nhau. Sau đó người dùng nhấn vào “View Achievement” thì hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn. Người dùng chỉ cần chọn các chế độ xem để xem và nhấn vào từng cái để xem chi tiết ( như ngày, giờ,...).Hệ thống đánh dấu chế độ đã chọn và sẽ hiển thị tất cả các Achievement của người dùng.  **- Pomodoro Statistics:** Khi người dùng muốn xem lại thống kê lại tần suất cũng như số lần sử dụng pomodoro, thời gian sử dụng trung bình, số task đã hoàn thành,... của mình.Khi người dùng vào “More actions” trong phần “Pomodoro” thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn và người dùng nhấn vào “Manage Pomodoro” rồi chọn phần “Statistics”. Hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn khác nhau, người dùng nhấn vào “View” thì hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn. Người dùng chỉ cần chọn các chế độ xem để xem và nhấn vào từng cái để xem chi tiết ( như ngày, giờ, thời gian bắt đầu,...), hệ thống đánh dấu chế độ đã chọn và sẽ hiển thị thống kê số lần sử dụng Pomodoro của người dùng cũng như chi tiết của nó như thời gian sử dụng trung bình, số task đã hoàn thành.  **- Using App Statistics:** Khi người dùng muốn xem lại thống kê lại tần suất cũng như thời gian sử dụng app của mình. Khi người dùng vào “Account” rồi chọn phần “Statistics” thì hệ thống sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Người dùng nhấn vào “View”, hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn. Người dùng chỉ cần chọn các chế độ xem khác nhau để xem và nhấn vào từng tháng hay năm để xem chi tiết về tháng hay năm đó hay có thể xem nhiều dạng biểu đồ khác nhau như biểu đồ đường, biểu đồ cột, biểu đồ tròn,...Hệ thống sẽ đánh dấu chế độ đã được chọn và sẽ hiển thị thống kê số lần sử dụng ứng dụng của người dùng cũng như chi tiết của nó như tần suất sử dụng, ngày sử dụng nhiều nhất,thời gian sử dụng trung bình. |
| 13. Export&Print | - Expot\_Print bao gồm xuất file và in file với nhiều sự lựa chọn:  - Export bao gồm : Export Chart (Xuất biểu đồ), Export Achievement (Xuất những thành tựu đã đạt được), Export User Account (Xuất thông tin tài khoản người dùng), Export Statistics (Xuất thống kê), Export Completed Task (Xuất danh sách các nhiệm vụ đã hoàn thành), Export Mutiple Files (Xuất theo nhiều kiểu định dạng file).  - Print bao gồm : Print File PDF (In file PDF), Print File Image (In file hình ảnh). | 13.1 **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** hệ thống cho phép người dùng có thể xuất file. **Để mà:**  **- Export Chart:**  Khi người dùng nhấp vào "More actions" của Menu sẽ hiển thị sidebar. Người dùng nhấp vào "Export". Hệ thống hiển thị các tiêu chí cho người dùng chọn. Người dùng nhấp vào "Export Chart" thì hệ thống xuất hiện cửa sổ Print, xử lý file và hiển thị biểu đồ cho người dùng.  **- Export Achievement:** Khingười dùng nhấp vào "More actions" của Menu thì sẽ hiển thị sidebar. Người dùng click vào "Export". Hệ thống hiển thị các tiêu chí cho người dùng. Sau khi nhấp vào "Export Achievement" thì sẽ xuất hiện cửa sổ Print, xử lý file và hiển thị những thành tựu đã đạt được cho người dùng xem.  **- Export Statistics:**  Khi người dùng nhấp vào "More actions" của Menu thì sẽ hiển thị sidebar. Người dùng nhấp vào "Export". Hệ thống sẽ hiển thị các tiêu chí cho người dùng. Người dùng nhấp vào "Export Statistics"  thì sẽ xuất hiện cửa sổ Print, xử lý file và hiển thị thống kê.  **- Export Completed Task:** Khi người dùng nhấp vào "More actions" của Menu  thì sẽ hiển thị sidebar. Người dùng click vào "Export". Hệ thống sẽ hiển thị các tiêu chí cho người dùng. Người dùng click "Export Completed Task" thì sẽ xuất hiện cửa sổ Print, xử lý file và hiển thị danh sách các nhiệm vụ mà người dùng đã hoàn thành.  **- Export Mutiple Files:** Khi người dùng nhấp vào "More actions" của Menu thì sẽ hiển thị sidebar. Người dùng nhấp vào "Export". Hệ thống sẽ hiển thị các tiêu chí cho người dùng. Người dùng tuỳ chọn nhấp vào các tiêu chí thì sẽ xuất hiện cửa sổ Print, xử lý file và hiển thị file theo tiêu chí người dùng đã chọn.  **- Print File PDF:** Khi người dùng nhấp vào "Print". Hệ thống hiển thị các tiêu chí : Print File PDF, Print File Image. Người dùng click vào "Print File PDF" thì hệ thống sẽ in file PDF cho người dùng.  **- Print File Image:**  Khi người dùng nhấp vào "Print" thì hệ thống hiển thị các tiêu chí : Print File PDF, Print File Image. Người dùng click vào "Print File Image" thì sẽ in file Image cho người dùng.  13.2 **Với vai trò** là người quản trị của ứng dụng. **Tôi muốn** hệ thống cho phép có thể xuất file tài khoản người dùng ứng dụng. **Để mà:**  **- Export User Account:** Khi người quản trị nhấp vào "More actions" của Menu. Hệ thống sẽ hiển thị sidebar. Người quản trị nhấp vào "Export" thì sẽ hiển thị các tiêu chí. Sau khi nhấp vào "Export User Account" thì sẽ xuất hiện cửa sổ Print, xử lý file và hiển thị thông tin tài khoản người dùng. |
| 14. Add friends | - Chức năng Add Friends gồm có:  + Send Invitation  + Share Achievement  + View Friend List  + Accept Invitation  + Unfriend. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể kết bạn để có thể chia sẻ thành tích cũng như xếp hạng thành tích đạt được. **Để mà:**  - **Send Invitation:** Người dùng sẽ có chức năng gửi lời mời kết bạn cho các tài khoản khác, "nút gửi lời mời kết bạn" chuyển thành "hủy lời mời kết bạn".  - **Share Achievement**: Người dùng có chức năng chia sẻ các thành tựu của mình cho bạn bè của họ, thành tựu đươch chia sẻ thành công.  - **View Friend List:** Người dùng có chức năng xem danh sách bạn bè của họ sau khi người dùng đã chấp nhận lời mời kết bạn với tài khoản khác, Nhấn vào "View Friend List" thì thấy danh sách bạn bè hiển thị.  - **Accept Invitation:** Sau khi có tài khoản khác gửi lời mời kết bạn cho người dùng thì người dùng có chức năng chấp nhận các lời mời kết bạn từ tài khoản khác, nút "chấp nhận lời mời chuyển thành "bạn bè".  - **Unfriend:** Sau khi chấp nhận kết bạn tài khoản khác. Bây giờ người dùng muốn hủy kết bạn tài khoản hiện đang là bạn bè của họ thì người dùng sẽ có chức năng là hủy kết bạn, nút "hủy kết bạn" chuyển thành "gửi lời mời kết bạn". |
| 15. Building system |  |  |
| 16. Record achievements | - Chức năng này cho phép bạn quản lý các thành tích cũng như xem lại các chi tiết và chia sẻ chúng cho mọi người xung quanh, sau đó thì bạn sẽ nhận được số điểm thưởng tương ứng tùy thuộc vào loại thành tích mà bạn đạt được. | **Với vai trò** là người sử dụng ứng dụng. **Tôi muốn** biết được những thông tin chi tiết về các thành tích của mình  **Để mà:**  **- Record:** Khi người dùng muốn tự động ghi nhận lại các thành tích khi người dùng hoàn thành một task hoặc một nhiệm vụ nào đó như chia sẻ cho mọi người xung quanh, điểm danh hằng ngày,... Khi người dùng hoàn thành một task hoặc nhiệm vụ nào đó thì hệ thống sẽ tự động ghi nhận các thành tích của người dùng đạt được và thêm vào tài khoản người dùng. Người dùng chỉ cần nhấn vào để xem chi tiết hoặc có thể vào phần “setting” trong “Account” để xem.Hệ thống sẽ lưu dữ liệu xuống database.  **- Get Point:** Khi người dùng muốn tự động ghi nhận điểm số vào tài khoản người dùng khi họ hoàn thành một nhiệm vụ nào đó do chính họ đề ra hoặc một nhiệm vụ của hệ thống như điểm danh hằng ngày,... Khi người dùng hoàn thành một task hoặc nhiệm vụ nào đó thì hệ thống sẽ tự động ghi nhận các điểm của người dùng đạt được và cộng vào tài khoản người dùng. Người dùng chỉ cần nhấn vào để xem chi tiết hoặc có thể vào phần “setting” trong “Account” để xem. Hệ thống sẽ lưu dữ liệu xuống database.  **- View:** Được người dùng sử dụng nhiều nhất giúp người dùng xem lại tất cả các thành tích của mình cùng với các chi tiết của nó như ngày, giờ,... Khi người dùng vào “More actions” trong “Achievement” thì hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn và người dùng chỉ cần nhấn vào “Manage Achievement”. Hệ thống sẽ hiển thị các chế độ để lựa chọn. Người dùng nhấn vào “View Achievement” thì hệ thống hiển thị các chế độ xem để người dùng có thể lựa chọn hoặc người dùng có thể chọn các chế độ xem khác nhau để xem và nhấn vào từng cái để xem chi tiết ( như ngày, giờ,...). Hệ thống đánh dấu chế độ đã chọn và sẽ hiển thị tất cả các thành tích của người dùng được tải lên từ database.  **- Share:** Khi người dùng muốn chia sẻ các thành tích đã đạt được với mọi người xung quanh thông qua các mạng xã hội như Facebook, Instargram,... Khi người dùng nhấn vào “Icon Menu” thì hệ thống sẽ hiển thị ra sidebar và người dùng chỉ cần vào “More actions” ở phần sidebar, hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. Người dùng nhấn vào mục “Sharing” thì hệ thống sẽ hiển thị ra hộp thoại để người dùng lựa chọn. Sau đó người dùng chọn các chế độ chia sẻ khác nhau ( như qua Email, Messenger, Facebook,...) và nhấn vào nút share để chia sẻ chúng. Hệ thống đánh dấu chế độ đã chọn và tải dữ liệu lên từ database và gửi link đó thông qua các chế độ chia sẻ mà người dùng đã chọn trước đó. |
| 17. Manage Ranking | - Chức năng ranking thực hiện việc xếp hạng thành tích mà người dùng đạt được bao gồm:  + View ranking (friends)  + View ranking (all)  + View current ranking  + Increase score | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể xếp hạng bản thân cùng với bạn bè đồng thời có thể xem danh sách xếp hạng các người dùng khác trong hệ thống. **Để mà:**  **- View ranking (friends):** Khi nhấp vào biểu tượng “icon menu” thì sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây nhấp chọn vào mục “Ranking” và nhấp chọn “Friends ranking” thì sẽ được dẫn sang trang Ranking chứa bảng xếp hạng thành tích giữa bạn bè.  **- View ranking (all):**  Khi nhấp vào biểu tượng “icon menu” thì sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây nhấp chọn vào mục “Ranking” và nhấp chọn “All ranking” thì sẽ được dẫn sang trang Ranking chứa bảng xếp hạng thành tích giữa tất cả người dùng trong hệ thống.  **- View current ranking:**  Khi nhấp vào biểu tượng “icon menu” thì sẽ hiển thị danh mục các tùy chọn. Tại đây nhấp chọn vào mục “Ranking” và nhấp chọn “Current ranking” thì sẽ được dẫn sang trang Ranking chứa bảng xếp hạng thành tích giữa tất cả người dùng trong hệ thống và hiển thị vị trí xếp hạng hiện tại của người dùng. |
| 18. Manage chart | - Chức năng Manage Chart gồm có:  + Thêm task vào Chart.  + Di chuyển task trên Chart.  + Thiết lập mối quan hệ giữa các Task với nhau.  + Thay đổi trạng thái của task.  + Lưu lại Chart.  + Xóa Chart  + Xem danh sách Chart của họ. | **Với vai trò** là người dùng ứng dụng. **Tôi muốn** có thể thao tác với công việc của mình thành 1 lược đồ để dễ dàng diễn giải hoạt động làm việc theo trình tự rõ ràng, xây dựng kế hoạch có mục tiêu, định hướng rõ ràng. **Để mà:**    **-** **Add Task**: Khi người dùng nhấn đè task và kéo thả vào Chart. Trong Chart hiển thị các task mới thêm.  **-** **Move Task**: Khi người dùng nhấn đè task rồi di chuyển trên Chart, task được di chuyển đến vị trí thả task (bỏ nhấn đè).  **-** **Set Relationship**: Khi người dùng muốn thiết lập mối quan hệ giữa các task với nhau bằng cách chọn các task rồi kéo từ task này đến task khác theo trình tự. Các task sẽ được nối với nhau theo trình tự.  **- Change Status Task:** Khi người dùng nhấp trực tiếp vào task, nhấp chọn vào chọn trạng thái. Hệ thống hiển thị bảng trạng thái rồi chọn theo trạng thái cần đặt. Lúc này task hiển thị  trạng thái đã thay đổi.  **- Save Chart:** Người dùng lưu lại Chart bằng cách nhấn nút "Save Chart". Sau đó hệ thống sẽ lưu Chart vào Chart List.  **- Delete Chart**: Người dùng nhấn vào “View Chart List”, hệ thống sẽ hiển thị danh sách các Chart hiện có. Người dùng chọn Chart cần xóa rồi nhấp chọn vào "Delete". Sau đó, Chart bị xóa khỏi Chart List.  **-** **View Chart List:** Người dùng nhấn vào "View Chart List" để xem danh sách các Chart hiện có của họ. |